

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiệp
2. Ông Đỗ Công Luận

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 338/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn L - sinh năm 1978; có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố N, Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T - sinh năm 1979; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Diên S, huyện D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1979 tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, Nha Trang vào năm 2000. Năm 2001, bà T sinh cháu Thên vợ chồng về nhà cha mẹ vợ tại thôn T, xã Diên S, huyện D sinh sống. Khi đó, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, kinh cãi do bất đồng quan điểm sống và trong sinh hoạt gia đình. Mâu thuẫn kéo dài đến khi bà T sinh con được khoảng 04 tháng, ông L có xin gia đình vợ cho vợ chồng ông về nhà nội sinh sống nhưng bà T và cha mẹ không đồng ý. Khi đó, ông L có nhờ gia đình và Giáo xứ Cây Vông tại xã Diên S hòa giải nhưng không có kết quả. Ông L về nhà cha mẹ ruột ở thôn P, xã V, thành phố Nha Trang sinh sống, còn bà T vẫn sống tại Diên S. Đến năm 2002, ông L có

lên nhà vợ để hàn gắn tình cảm nhưng bà T lạnh nhạt, không quan tâm đến ông nữa. Ông L xác định không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T. Về con chung: Ông L và bà T có một con chung là Nguyễn Anh T - sinh ngày 06/6/2001. Con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh nên ông L không có yêu cầu gì. Về tài sản chung và nợ chung: Ông L xác định giữa ông và bà T không có tài sản chung và nợ chung.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa để làm việc.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn L. Cho ông L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T; về con chung: Ông L xác định ông và bà T có một con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh, ông L không có yêu cầu gì nên không xem xét; về tài sản chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có; về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn L và bà Nguyễn Thị Ngọc T là vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2000, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn L và bà Nguyễn Thị Ngọc T có một con chung là Nguyễn Anh Th - sinh ngày 06/6/2001. Con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh, ông L không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn L xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông Nguyễn L xác định không có nợ chung.

[2.5] Về án phí: Ông Nguyễn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51 và 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Lân.
 - Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T.
 - Về con chung: Ông Nguyễn L và bà Nguyễn Thị Ngọc T có một con chung là Nguyễn Anh Th - sinh ngày 06/6/2001. Con chung đã trưởng thành và khỏe mạnh, ông L không có yêu cầu gì nên không xem xét.
 - Về tài sản chung: Ông Nguyễn L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Nguyễn L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012223 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Như vậy, ông L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã V, tp N
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bùi Thị Ân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Ân

